

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16-6-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Kim Phương

Bà Lê Thị Chúc Ngân

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Quách Thị Khuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Đinh Ngọc Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, tại Hội trường A - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 192/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Xuân H sinh năm 1993

Địa chỉ: Số A, khu phố P, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Toàn Công T sinh năm 1982

Địa chỉ: Số C, ấp N, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 01 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - chị Phạm Thị Xuân H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Xuân H và anh Bùi Toàn Công T quen biết, tìm hiểu và yêu nhau được khoảng gần một năm thì tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào khoảng cuối năm 2014 mà không đăng ký kết hôn. Đến ngày 11/3/2015, hai bên mới đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn.

Theo chị H, sau khi kết hôn khoảng ba năm đầu vợ chồng chung sống với gia đình anh T (ở xã B, huyện T), đến năm 2018 khi mẹ đẻ của chị H chết thì vợ chồng chị chuyển về thị trấn D, huyện T sinh sống. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng hơn hai năm thì mâu thuẫn bắt đầu phát sinh và ngày càng trầm trọng; nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống (mâu thuẫn chủ yếu thường xoay quanh vấn đề tiền bạc vì anh T đi làm nhưng chỉ đưa cho chị H rất ít để chăm lo cho gia đình, còn lại đều do chị H phải gánh vác và mâu thuẫn về cách nuôi dạy con cái) dẫn đến việc vợ chồng thường lớn tiếng cãi nhau, thậm chí vợ chồng còn xảy ra xô xát nhưng không để lại thương tích. Ngoài ra, anh T còn có hành vi đập phá đồ đạc trong gia đình (sự việc này chị H đã trình báo chính quyền địa phương nhưng anh T không hợp tác làm việc), từ đó làm cho tình cảm vợ chồng bị rạn nứt mà không thể hàn gắn được. Mặc dù vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ khoảng giữa tháng 01/2021 cho đến nay, vợ chồng đã không còn sống chung nhà với nhau, không ai quan tâm đến ai và không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng. Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Toàn Công T.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Bùi Toàn Anh K, sinh ngày 29/8/2015 và cháu Bùi Phạm Gia H1, sinh ngày 28/7/2017, hiện các con chung đang sống cùng với chị H.

Theo đơn khởi kiện ban đầu, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 và đồng ý giao cháu K cho anh T nuôi dưỡng. Tuy nhiên, ngày 24/3/2022, chị H có đơn xin thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện và chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Xuân H khai tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Phạm Thị Xuân H khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai đề ngày 09 tháng 3 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn - anh Bùi Toàn Công T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Bùi Toàn Công T thừa nhận anh và chị Phạm Thị Xuân H yêu nhau được khoảng gần hai năm thì tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/3/2015 như chị H trình bày là đúng.

Anh T thừa nhận vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng sáu năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong việc quản lý gia đình. Từ đầu năm 2022 cho đến nay, vợ chồng đã không còn sống chung với nhau (anh T sống ở xã B, còn chị H và các con sống ở thị trấn D) nhưng vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý vì anh T xác định vẫn còn tình cảm với chị H và anh mong muốn hàn gắn đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con chung.

- Về con chung: Anh T thừa nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Bùi Toàn Anh K, sinh ngày 29/8/2015 và cháu Bùi Phạm Gia H1, sinh ngày 28/7/2017, hiện các con chung đang sống với chị H. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung. Anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Bùi Toàn Công T khai tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Bùi Toàn Công T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cả nguyên đơn và bị đơn đều không đến tham dự phiên nhưng đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Phạm Thị Xuân H và anh Bùi Toàn Công T được ly hôn.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Bùi Toàn Anh K và cháu Bùi Phạm Gia H1 cho chị H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn - chị Phạm Thị Xuân H có yêu cầu ly hôn và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung với bị đơn - anh Bùi Toàn Công T. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:* Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt), căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị Xuân H và anh Bùi Toàn Công T tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/3/2015 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, chị H và anh T đã không còn sống chung với nhau, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình; sự việc này được anh T thừa nhận và phù hợp với kết quả xác minh ngày 14/3/2022 tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện T: “... Trong quá trình chung sống anh T và chị H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xô xát lẫn nhau. Ngày 18/01/2022, chị H có đến cơ quan công an thị trấn để trình báo về việc anh T có hành vi đập phá đồ đạc trong nhà và xô xát với chị H. Công an thị trấn D đã tiến hành triệu tập anh T lên trụ sở để làm việc tuy nhiên anh T không lên nên công an thị trấn D không có căn cứ để lập biên bản giải quyết sự việc... Hiện anh T và chị H không còn chung sống với nhau từ khoảng cuối tháng 01/2022 cho đến nay ...” và kết quả xác minh ngày 26/01/2022 tại Công an xã B, huyện T: “... Hiện nay anh T và chị H không còn chung sống với nhau ...”. Xét mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

Xét yêu cầu đoàn tụ của bị đơn: Anh T thừa nhận vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và từ đầu năm 2022 cho đến nay anh T đã về nhà cha mẹ để sống nhưng anh T không đồng ý ly hôn vì anh xác định vẫn còn tình cảm với chị H và mong muốn hàn gắn đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, anh T không đưa ra được biện pháp gì để hàn gắn tình cảm với chị H và không được chị H đồng ý. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải để kêu gọi vợ chồng về đoàn tụ gia đình nhưng anh T đều không đến thể hiện việc anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị H nên yêu cầu của anh T là không có cơ sở và không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[2.2] *Về con chung:* Chị H và anh T có hai con chung là cháu Bùi Toàn Anh K, sinh ngày 29/8/2015 và cháu Bùi Phạm Gia H1, sinh ngày 28/7/2017.

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Hiện các con chung đang sống cùng với chị H và chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung nên để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ, Hội đồng xét xử xét cần giao hai con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Xét yêu cầu của bị đơn: Anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung nhưng hiện anh T không trực tiếp nuôi con. Mặc dù Tòa án đã thống nhất hợp lệ Thông báo giao nộp tài liệu, chứng cứ số 17/TB-TA ngày 31/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất cho anh T biết về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của chị H xin được trực tiếp nuôi hai con chung, đồng thời yêu cầu anh T khai rõ về nghề nghiệp và mức thu nhập để Tòa án xem xét nhưng anh T không thực hiện. Xét yêu cầu của anh T không phù hợp với thực tế và nhận định trên nên không được chấp nhận.

[2.3] *Về cấp dưỡng:* Chị H hiện có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc cho con chung. Mặc dù đã được Tòa án giải thích pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng chị H không yêu cầu nên tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị H và anh T xác định không có nợ chung, về tài sản chung tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp các đương sự không tự thỏa thuận được và có yêu cầu thì được quyền liên hệ với Tòa án có thẩm quyền để khởi kiện bằng một vụ kiện khác về tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn.

[3] **Về án phí:** Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] **Về quyền kháng cáo:** Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 8; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Phạm Thị Xuân H.

1. *Về hôn nhân:* Xử cho chị Phạm Thị Xuân H và anh Bùi Toàn Công T được ly hôn.

2. *Về con chung:*

2.1. Giao cháu Bùi Toàn Anh K, sinh ngày 29/8/2015 và cháu Bùi Phạm Gia H1, sinh ngày 28/7/2017 cho chị Phạm Thị Xuân H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

2.2 Anh Bùi Toàn Công T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Tạm thời anh Bùi Toàn Công T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Phạm Thị Xuân H không yêu cầu.

3. *Về án phí*: Chị Phạm Thị Xuân H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0003494 ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị Phạm Thị Xuân H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CCTHADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã B, huyện T;
- (GNCKH số 32/2015)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thùy Trang